

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VƯƠNG VĂN BÉP

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ CHẾ ĐỊNH CHỨNG CỨ
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 62 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIÊN SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2013

**Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học:

TS Trần Quang Tiệp

TS Phạm Mạnh Hùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học quốc gia chấm luận án tiến sỹ họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội vào
hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2013**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm thông tin thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, người phạm tội và dùng để xác định những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong luật tố tụng hình sự, chế định chứng cứ có vị trí, vai trò rất quan trọng. Thực tiễn, việc áp dụng và thực hiện đúng chế định này sẽ bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, chính xác, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Song, xét về mặt lý luận, xung quanh chế định chứng cứ, còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài "***Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam***" mang tính cấp thiết, không những về lý luận, mà còn là đòi hỏi thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chế định chứng cứ là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, đã được một số nhà khoa học - luật gia trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu.

Một số công trình tập trung làm sáng tỏ nội dung về hệ thống lý thuyết chung về chứng cứ tư pháp, vai trò của chứng cứ trong tố tụng hình sự; hoặc một loại chứng cứ khác biệt là chứng cứ chuyên gia trong hệ thống tư pháp hình sự như: "*Chứng cứ chuyên gia và tư pháp hình sự*" (Nxb Đại học Oxford, Mỹ, 2004) của GS. Mike Redmayne; "*Lý luận chứng cứ*" (Nxb Khoa học, Mátxcova, 1991) của tác giả X. Xtrôgôvich; "*Thu thập, kiểm tra*

và *đánh giá chứng cứ*" (Nxb Khoa học, Matxcova, 1966) của tác giả R.X.Benkin hay sách tham khảo "*Lý luận chứng cứ tư pháp trong pháp luật Xô Viết*" (đã dịch ra tiếng Việt do Phòng Tuyên truyền- Tập san Tòa án nhân dân tối cao, 1967) của Viện sĩ A.Ia. Vuxinxky v.v

Một số công trình bước đầu đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chứng cứ, nguồn chứng cứ và quá trình chứng minh trong vụ án hình sự như: 1) "*Chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*" (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tái bản năm 2009) của TS. Trần Quang Tiệp; 2) "*Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*" (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2006) của TS. Đỗ Văn Đương; 3) "*Chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*" (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005) của ThS. Nguyễn Văn Cừ v.v.

Dưới góc độ bài viết đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý có những công trình điển hình như: 1) "*Một số vấn đề lý luận về phương pháp thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự*" (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2007); và 2) "*Về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự*" (Tạp chí Kiểm sát, số 9, 10/2008) của TS. Trần Quang Tiệp; 3) "*Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*" là luận án tiến sĩ luật học của tác giả Đỗ Văn Đương (Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2000) 4) "*Về chứng cứ và nguồn chứng cứ quy định tại Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*" (Tạp chí Nghề luật, số 2/2006) của TS. Trịnh Tiến Việt v.v... Các công trình này đã đề cập đến các góc độ khác nhau về lý luận của chế định chứng cứ, nhấn mạnh đến khái niệm chứng cứ, nguồn chứng cứ, vai trò của chứng cứ trong quá trình chứng minh, cũng như phương pháp thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự và việc hoàn thiện chế định chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự.

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học nói trên cũng như nhiều bài viết trong các tạp chí và sách chuyên khảo luật

và nghiên cứu thực trạng áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, luận án đã tiếp cận nghiên cứu về chế định chứng cứ một cách toàn diện cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

*** Mục đích**

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ để đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định đó.

*** Nhiệm vụ**

Để đạt được mục đích trên, luận án có nhiệm vụ: (1) Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về chứng cứ, xây dựng khái niệm khoa học về chứng cứ; (2) Phân tích sự hình thành và phát triển của chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam để kế thừa những giá trị lập pháp vào việc hoàn thiện chế định chứng cứ trong tình hình hiện nay; (3) Nghiên cứu các quy định về chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới để rút ra những kinh nghiệm tiên tiến có thể tiếp thu một cách có chọn lọc vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; (4) Phân tích, làm sáng tỏ những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ; (5) Làm rõ những ưu điểm, hạn chế thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ, qua đó chỉ ra được các nguyên nhân cơ bản của những vướng mắc, hạn chế đó; (6) Đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ và những giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng các quy định đó trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay.

**** Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án đúng như tên gọi của nó - *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.*

**** Phạm vi nghiên cứu***

Chế định chứng cứ bao gồm nhiều vấn đề liên quan đến chứng cứ và quá trình chứng minh nên có phạm vi tương đối rộng. Do đó, phạm vi nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng trực tiếp liên quan đến những quy định về chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

**** Cơ sở lý luận***

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như thành tựu của các ngành khoa học như triết học, xã hội học, lịch sử, lý luận về nhà nước và pháp luật, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, tội phạm học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật tố tụng hình sự Việt Nam và nước ngoài.

**** Phương pháp nghiên cứu***

Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu của khoa học luật tố tụng hình sự, như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của Nhà nước và những giải thích, hướng dẫn thống nhất có tính chất chỉ đạo nghiệp vụ trong thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật tố tụng hình sự do Tòa án nhân dân tối cao hoặc (và) của các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương ban hành có liên quan đến chế định chứng cứ; những số liệu thống kê, tổng

kết hàng năm trong các báo cáo của ngành Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương; các bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm và tài liệu vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử, cũng như những thông tin trên mạng internet để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật tố tụng hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận án.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Có thể xem những nội dung sau đây là những đóng góp mới về khoa học của luận án: (1) Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về chứng cứ, xây dựng khái niệm khoa học về chứng cứ; (2) Đánh giá lịch sử hình thành và phát triển những quy định về chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam để kế thừa có chọn lọc các giá trị lập pháp truyền thống; (3) Làm rõ những quy định của pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới về chứng cứ để trên cơ sở đó, kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp tố tụng hình sự; (4) Phân tích những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ, đồng thời đánh giá đúng thực trạng áp dụng những quy định về chứng cứ thông qua ba giai đoạn tương ứng - điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự ở nước ta hiện nay, phân tích nguyên nhân của những tồn tại và sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ; (5) Phân tích những quan điểm và các giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu và những kiến nghị, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ của luận án là phần đóng

góp nhỏ bé của tác giả vào sự phát triển của kho tàng lý luận về chứng cứ trong khoa học luật tố tụng hình sự và có ý nghĩa quan trọng đối với việc nhận thức, áp dụng đúng đắn những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ ở Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 3 chương.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG CỨ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Trong chương này, Tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về chứng cứ, cụ thể là lập luận và đưa ra khái niệm về chứng cứ; phân tích các thuộc tính của chứng cứ, phân loại chứng cứ và nguồn chứng cứ.

1.1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ CHỨNG CỨ

1.1.1. Khái niệm chứng cứ

Khái niệm chứng cứ là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học luật tố tụng hình sự nói chung, lý luận về chứng cứ nói riêng. Lịch sử pháp luật tố tụng hình sự cho thấy, trải qua các thời kỳ phát triển của loài người, có nhiều quan điểm khác nhau về chứng cứ. Tác giả đã phân tích các quan điểm về chứng cứ của phương pháp luận duy tâm, quan điểm hình thức về chứng cứ, quan điểm nhân chủng học về chứng cứ, quan điểm niềm tin nội tâm tự do của thẩm phán khi đánh giá chứng cứ v.v. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: mọi sự vật đều có thuộc tính phản ánh, vì vậy hoạt động của con người, trong đó các hành vi phạm tội đều để lại dấu vết trong thế giới khách quan, mọi tội phạm xảy ra trên thực tế, con người đều có thể phát hiện, chứng minh được.

Đồng thời, tác giả cũng phân tích các quan điểm khác nhau về chứng cứ trong khoa học luật tố tụng hình sự hiện nay và đồng tình với quan điểm của TS. Đỗ Văn Đương vì chứng cứ là những thông tin được rút ra từ những sự việc, hiện tượng, những dấu vết được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Hơn nữa, trước yêu cầu khám phá tội phạm và giải quyết vụ án hình sự có công nghệ cao hiện nay, đặt ra yêu cầu phải mở rộng nguồn chứng cứ theo hướng: ngoài vật chứng, lời khai, biên bản các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và các đồ vật, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, kết luận giám định thì băng ghi âm, ghi hình và những dấu vết điện tử được thu thập hợp pháp, công khai theo quy định của pháp luật cũng được coi là nguồn chứng cứ. Các băng, đĩa, thẻ điện tử... ghi nhận dấu vết của tội phạm, là công cụ hoặc đối tượng tác động của tội phạm được thu giữ có giá trị là vật chứng.

Từ sự phân tích ở trên, tác giả đưa ra khái niệm chứng cứ như sau: *Chứng cứ trong tố tụng hình sự là những **thông tin** có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn và chính xác vụ án hình sự.*

1.1.2. Các thuộc tính của chứng cứ

Từ khái niệm chứng cứ đã nêu, tác giả đã phân tích ba thuộc tính của chứng cứ đã được thừa nhận trong khoa học luật tố tụng hình sự, đó là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp và đưa ra nhận xét: ba thuộc tính của chứng cứ nói trên có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Tính khách quan là tiền đề của tính hợp pháp, tính liên quan; tính liên quan tạo tiền đề bảo đảm tính hợp pháp, tính khách quan; tính hợp pháp là cơ sở pháp lý của tính khách quan và tính liên quan. Hay nói cách khác, nếu xét riêng trong quan hệ nội tại cụ thể thì hai thuộc tính khách quan và

liên quan thuộc về nội dung của chứng cứ, còn thuộc tính hợp pháp lại thuộc về hình thức của chứng cứ. Cho nên, chứng cứ phải là sự thống nhất của ba thuộc tính, thỏa mãn đầy đủ ba thuộc tính, nếu thiếu một trong ba thuộc tính, thì không được công nhận là chứng cứ.

1.1.3. Phân loại chứng cứ

Trong mối quan hệ với đối tượng chứng minh, các chứng cứ có vị trí không giống nhau, do được phản ánh từ những nguồn khác nhau hoặc có ý nghĩa chứng minh khác nhau. Do đó, dưới góc độ chung, tác giả đã phân tích một số tiêu chí để phân loại chứng cứ thành: trên cơ sở tiêu chí nội dung mối quan hệ với sự kiện chủ yếu của đối tượng chứng minh, chứng cứ được phân loại thành chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp; trên cơ sở tiêu chí ý nghĩa chứng minh của chứng cứ, chứng cứ được phân loại thành chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội; trên cơ sở tiêu chí về nguồn phản ánh của chứng cứ, chứng cứ được phân loại thành chứng cứ gốc và chứng cứ sao lại, thuật lại v.v.

1.1.4. Nguồn chứng cứ

Qua phân tích các quan điểm khác nhau về khái niệm "nguồn chứng cứ", tác giả đưa ra khái niệm "nguồn chứng cứ" như sau: *Nguồn chứng cứ là nơi cung cấp những tài liệu quan trọng, mà từ đó, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể rút ra chứng cứ có giá trị chứng minh sự thật khách quan của vụ án.* Trên cơ sở quy định của pháp luật, tác giả phân tích các loại nguồn chứng cứ: (1) *Vật chứng*, có những đặc trưng cơ bản sau: *Thứ nhất*, vật chứng tồn tại dưới dạng vật thể, có thể ở thể rắn, thể lỏng hoặc thể khí. Do tồn tại dưới dạng vật thể, vật chứng có thể bị các yếu tố tự nhiên tác động làm thay đổi, biến dạng hoặc bị hủy hoại, cho nên các cơ quan tiến hành tố tụng cần chú ý trong quá trình phát hiện, thu giữ, bảo quản và xử lý vật chứng; *Thứ hai*, vật chứng chứa đựng thông tin về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, cũng như những tình tiết khác cần thiết

cho việc giải quyết đúng đắn vụ án; Thứ ba, vật chứng được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. (2) *Lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án;* (3) *Kết luận giám định;* (4) *Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án.*

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CHỨNG CỨ

Chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong những giai đoạn của lịch sử nước ta, quan niệm về chứng cứ đã từng bước được hình thành và phát triển.

1.2.1. Chứng cứ trong pháp luật phong kiến Việt Nam

Nghiên cứu về chế định chứng cứ trong lịch sử lập pháp tố tụng hình sự nước ta, tác giả đã nêu rõ: Trong Quốc triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức)- Bộ luật chính thống và quan trọng nhất của triều đại nhà Lê (1428-1788), đã đề cập đến chứng cứ, đã chỉ ra được nguồn của chứng cứ bao gồm lời khai của người làm chứng, bị can, bị cáo và phương pháp thu thập chứng cứ là lấy lời khai người làm chứng, hỏi cung bị can, đối chất. Điều này thể hiện kỹ thuật lập pháp cao về chứng cứ của Bộ luật Hồng Đức. Sau Bộ luật Hồng Đức là Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) mặc dù chịu ảnh hưởng của Luật Thanh Triều khá nặng nề, nhưng nhiều điều luật, trong đó có các điều luật quy định về chứng cứ vẫn tiếp thu, kế thừa những giá trị đặc sắc của Quốc triều hình luật. Từ năm 1858 đến trước Cách mạng Tháng tám thành công, thực dân Pháp xâm lược nước ta, cho nên hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng, chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa.

1.2.2. Chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ khi

Cách mạng Tháng tám năm 1945 thành công cho đến khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Sau Cách mạng Tháng tám năm 1945, Việt Nam đã giành được nền độc lập, chế định chứng cứ tiếp tục hình thành và phát triển gắn liền với sự phát triển của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng. Tuy chưa ban hành Bộ luật tố tụng hình sự nhưng trong giai đoạn này chế định chứng cứ được ghi nhận ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự, nhưng mới chỉ được xem xét ở những khía cạnh nhất định, chưa có quy định về khái niệm chứng cứ. Qua việc nghiên cứu các nội dung về những quy định ban đầu về chế định chứng cứ tại các văn bản quy phạm pháp luật, tác giả rút ra các nhận xét sau: *Thứ nhất*, ngay từ năm 1956, tức là chỉ sau hai năm sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Nhà nước ta đã quan tâm đến vấn đề thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ từ lời khai của bị can, bị cáo; pháp luật tố tụng hình sự đã nghiêm cấm sử dụng các biện pháp bất hợp pháp như mớm cung, bức cung hay trấn áp bị can, bị cáo dưới bất kỳ hình thức nào trong việc thu thập lời khai của bị can, bị cáo. *Thứ hai*, đã quy định về việc phải kiểm tra, xác minh lời thú tội của bị can, bị cáo, so sánh, đối chiếu với những chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời khai của bị can, bị cáo là chứng cứ duy nhất để kết tội. *Thứ ba*, nguyên tắc suy đoán vô tội đã được pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chính thức thừa nhận. Đây có thể nói là bước tiến bộ về kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự của nước ta.

1.3. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ CHỨNG CỨ

Thông qua kết quả nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Malaysia, Bungari, Rumani; v.v... về chứng cứ, tác giả rút ra một số nhận xét sau: *Thứ nhất*, về Khái niệm chứng cứ, Bộ luật tố tụng hình sự của các nước trên đã quy định về định nghĩa pháp lý của khái niệm chứng cứ. Nghiên cứu

những khái niệm chứng cứ nói trên, có thể rút ra nhận xét: mặc dù hình thức diễn đạt khác nhau, nhưng nội hàm của những khái niệm đó có một số điểm chung bao gồm: 1) Chứng cứ tồn tại trong thực tế khách quan hoặc phản ánh đúng thực tế khách quan; 2) Chứng cứ có liên quan đến vụ án hình sự, được các cơ quan tiến hành tố tụng dùng làm căn cứ để xác định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự hay những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án; 3) Chứng cứ được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. **Thứ hai**, Quy định về nguồn chứng cứ, pháp luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... có quy định định nghĩa pháp lý của khái niệm vật chứng, khái niệm lời khai của bị can, khái niệm lời khai của người bị hại, khái niệm kết luận của người giám định, biên bản hoạt động điều tra và biên bản phiên tòa, các tài liệu khác. **Thứ ba**, nguyên tắc đánh giá chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam khác với nguyên tắc tự do đánh giá chứng cứ dựa trên niềm tin nội tâm của thẩm phán được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới như Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản... và trong lý luận pháp lý tư sản về tự do đánh giá chứng cứ. **Thứ tư**, pháp luật tố tụng hình sự các nước đó có điểm chung trong tương quan với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khái niệm chứng cứ, phân loại chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ, quy định về thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ v.v... từ đó làm tư liệu quý báu để các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hiện hành về chứng cứ.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỨNG CỨ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỨNG CỨ

Trong chương này, tác giả tập trung phân tích về những quy định của Chương V- Chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hiện hành và thực tiễn áp dụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2.1.1. Chứng cứ

Chứng cứ là vấn đề có liên quan chặt chẽ và mật thiết đến các biện pháp cụ thể của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, cho nên, chứng cứ đã được nghiên cứu và áp dụng từ rất lâu đời trong lịch sử luật tố tụng hình sự. Tùy theo từng thời kỳ lịch sử khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện chính trị - xã hội, văn hóa, trình độ phát triển của các lĩnh vực khoa học có liên quan mà người ta có những quan niệm khác nhau về chứng cứ trong tố tụng hình sự và được cụ thể hóa trong pháp luật của mỗi quốc gia. Trên cơ sở quy định của BLTTHS năm 2003, tác giả đã phân tích các thuộc tính của chứng cứ: - *Tính khách quan của chứng cứ* - chứng cứ là những gì có thật, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người tiến hành tố tụng hay người tham gia tố tụng. Do đó, những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, cũng như các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án phải tồn tại khách quan, độc lập với ý thức chủ quan của người tiến hành tố tụng. Nếu chủ thể này nhận thức không đúng, suy diễn hay chủ quan các vấn đề đó thì những tài liệu phản ánh nhận thức của họ, sẽ không có thuộc tính khách quan, không được công nhận là chứng cứ; - *Tính hợp pháp của chứng cứ* thể hiện ở việc - chứng cứ được thu thập theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định do CQĐT, VKS và Tòa án thực hiện. Quy định về tính hợp pháp có ý nghĩa quan trọng xuất phát từ nguyên tắc pháp chế quy định trong Điều 12 Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và cụ thể hóa tại Điều 3 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; - *Tính liên quan của chứng cứ* thể hiện ở chỗ- chứng cứ dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội, cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết

đúng dẫn vụ án. Do đó, các tài liệu điều tra được thu thập nếu không liên quan đến vụ án đang được giải quyết thì không thể được coi là chứng cứ.

Bên cạnh khái niệm "chứng cứ" mà khoản 1 Điều 64 BLTTHS đã ghi nhận, hiện nay, có một khái niệm đang tồn tại và vẫn được nhận thức, đánh giá và áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đó là khái niệm "chứng cứ *quan trọng*".

Ngày 27/8/2010, VKSND Tối cao, Bộ Công an và TAND Tối cao đã ban hành Thông tư liên ngành số 01/TTLN-VKSNDTC-BCA-TANDTC "*Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*", tại Điều 1 đã hướng dẫn cụ thể và thống nhất về khái niệm "chứng cứ *quan trọng*". Thông tư liên ngành còn quy định cụ thể các chứng cứ quan trọng không thể thiếu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2.1.2. Nguồn chứng cứ

Tác giả đã phân tích nội dung của từng loại nguồn chứng cứ gồm: *Vật chứng* là một nguồn chứng cứ quan trọng đầu tiên mà thông qua nó, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể chứng minh được sự việc phạm tội hoặc xác định hướng điều tra về sau. *Lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án* là một nguồn chứng cứ rất quan trọng. Cơ quan điều tra sử dụng hoạt động nghiệp vụ của mình để có được những lời khai, còn hội đồng xét xử có vai trò thẩm định lại những lời khai đó một lần nữa tại phiên tòa. *Kết luận giám định* cũng là một nguồn chứng cứ quan trọng về tình tiết của vụ án mà việc xem xét nó dựa trên kiến thức chuyên môn, khoa học kỹ thuật hay nghệ thuật... làm căn cứ tìm ra sự thật khách quan của vụ án. *Kết luận giám định* là một phán quyết mang tính khoa học bởi nó chỉ dựa trên cơ sở khoa học và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người, nên khi tìm ra sự thật của vụ án, giá trị chứng minh của kết luận giám định luôn có

tính khách quan cao. *Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác* cũng được coi là nguồn chứng cứ khi đáp ứng các điều kiện do luật định và chúng được quy định cụ thể tại Điều 77-78 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1.3. Thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ

Thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ được coi là những bước (khâu, giai đoạn) cơ bản trong quá trình chứng minh, giải quyết vụ án hình sự. Tác giả đã lần lượt xem xét quá trình thu thập chứng cứ; kiểm tra chứng cứ và đánh giá chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hiện hành.

**** Thu thập chứng cứ***

Hoạt động thu thập chứng cứ bao gồm: *phát hiện* chứng cứ, nêu phát hiện chứng cứ đầy đủ và bảo đảm chất lượng thì sẽ là yếu tố thành công của các giai đoạn tiếp sau và toàn bộ cả quá trình chứng minh trong vụ án hình sự; *thu thập chứng cứ* là hoạt động đầu tiên của quá trình chứng minh trong vụ án hình sự. Hoạt động này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh, để ghi nhận chứng cứ và thu giữ chứng cứ. Bản chất của hoạt động thu thập chứng cứ bao gồm tổng hợp các công đoạn chính là - *ghi nhận, thu giữ và bảo quản* chứng cứ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải tuân thủ các nguyên tắc: (1) Tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, (2) Việc tiến hành thu thập chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ cả các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, (3) Thẩm quyền thu thập chứng cứ chỉ và phải do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thực hiện. (5) Tất cả các chứng cứ khi được phát hiện, thu giữ phải được ghi nhận vào văn bản tố tụng tương ứng, theo đúng quy định và thời hạn của pháp luật tố tụng hình sự. (6) Việc thu thập chứng cứ phải được tiến hành kịp thời theo các yêu cầu đặt ra và đúng pháp luật.

*** Kiểm tra chứng cứ**

Tất cả các chứng cứ đã thu thập được chỉ có thể trở thành cơ sở cho các quyết định, kết luận của CQĐT, VKS và Tòa án về vụ án hay các tình tiết cụ thể của nó sau khi được *kiểm tra* một cách khách quan, có căn cứ và tỷ mỉ, thận trọng. Hoạt động kiểm tra chứng cứ, thực chất là "soát xét lại quá trình thu thập chứng cứ, kiểm tra tính hợp pháp trong việc thu thập chứng cứ" và phải tuân theo các phương pháp sau: (1) Phân tích nội dung của từng chứng cứ riêng biệt để xác định các thuộc tính của chứng cứ và tính chân lý khách quan của chứng cứ hay mức độ tin cậy của chứng cứ; (2) So sánh, đối chiếu chứng cứ cần kiểm tra với các chứng cứ khác đã được thu thập, kiểm tra xem chúng có phù hợp với nhau và với thực tế khách quan hay không; (3) Thu thập, tìm thêm, bổ sung các chứng cứ mới để làm rõ thêm và xác định rõ mức độ chính xác và đầy đủ của chứng cứ cần kiểm tra.

*** Đánh giá chứng cứ**

Tiếp sau việc thu thập chứng cứ, kiểm tra chứng cứ là giai đoạn đánh giá chứng cứ. Tác giả đã phân tích các nguyên tắc đánh giá chứng cứ: (1) Khi đánh giá từng chứng cứ phải có kết luận về tính chính xác, tính khách quan của từng chứng cứ, nếu không kết luận được tính chính xác của chứng cứ thì không thể nói tới giá trị chứng minh của nó, (2) Khi đánh giá chứng cứ phải đặt nó trong mối liên hệ với các chứng cứ khác trong vụ án hình sự, liên hệ trực tiếp hay gián tiếp, chúng có bổ sung, hỗ trợ gì cho nhau không, (3) Sau khi đã xác định được tính chính xác của chứng cứ, việc tiếp theo là phải kết luận giá trị chứng minh của từng chứng cứ. Việc xác định giá trị chứng minh của chứng cứ là phải dựa vào các yếu tố: (1) *Từng chứng cứ riêng lẻ trong toàn bộ chứng cứ đều đã được kiểm tra, đánh giá, bảo đảm đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ*, (2) *Căn cứ pháp lý để đánh giá chứng cứ là tổng hợp các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các quy định pháp luật khác có liên quan đối với từng vụ án*, (3) *Căn*

cứ vào ý thức pháp luật và thực tiễn kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm của những người tiến hành tố tụng, (4) Căn cứ vào niềm tin nội tâm khi đánh giá chứng cứ của những người tiến hành tố tụng. Và phải tuân thủ các nguyên tắc: (1) Nguyên tắc vô tư, khách quan và toàn diện, (2) Nguyên tắc độc lập, khoa học, (3) Nguyên tắc suy đoán vô tội.

2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỨNG CỨ

2.2.1. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ trong giai đoạn khởi tố và điều tra

Giai đoạn điều tra là "đầu vào" của quá trình giải quyết vụ án hình sự trong tố tụng hình sự. Thời gian vừa qua, quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ của Cơ quan điều tra các cấp đã góp phần rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát và Tòa án xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của Cơ quan điều tra không tránh khỏi những thiếu sót, tồn tại. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích những dạng thiếu sót, tồn tại phổ biến trong quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ của Cơ quan điều tra trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự. Điển hình là việc: (1) thu thập những chứng cứ không đảm bảo tính khách quan, (2) không bảo đảm tính hợp pháp, (3) không bảo đảm tính liên quan dẫn đến nhiều trường hợp đề nghị truy tố không được Viện kiểm sát chấp nhận, bị đình chỉ vụ án hay trả hồ sơ để điều tra bổ sung do thu thập chưa đầy đủ chứng cứ; (4) vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ; (5) thậm chí còn có trường hợp vi phạm pháp luật... dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật, oan, sai v.v.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ trong giai đoạn truy tố

Truy tố là giai đoạn kế tiếp của giai đoạn điều tra. Trong giai đoạn này, hoạt động của Viện kiểm sát mang tính chất kiểm tra hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ về vụ án của Cơ quan điều tra.

Trong phần này, tác giả tập trung phân tích những dạng thiếu sót, tồn tại phổ biến trong quá trình kiểm tra và đánh giá chứng cứ của Viện kiểm sát các cấp trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự. Điển hình là: (1) Không phát hiện được những vi phạm khi thu thập chứng cứ như: các chứng cứ được thu thập không hợp pháp, không bảo đảm tính liên quan cũng như tính khách quan hoặc (2) Mặc dù đã phát hiện những vi phạm của Cơ quan điều tra trong việc thu thập chứng cứ nhưng vẫn chấp nhận, sử dụng những chứng cứ đó dẫn đến có vụ án phải đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, thậm chí bị Tòa án tuyên không phạm tội; (3) Chưa chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để đảm bảo việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ được thực hiện theo đúng quy định v.v.

2.2.3. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Hoạt động xét xử của Tòa án các cấp là quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ công khai, toàn diện, bình đẳng và dân chủ tại phiên tòa, đây là khâu quyết định đối với toàn bộ quá trình tố tụng hình sự. Do đó, khác với các giai đoạn tố tụng trước, hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự ở giai đoạn xét xử được tiến hành công khai tại phiên tòa với sự tham gia đầy đủ nhất của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng hình sự. Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, xác minh, đánh giá công khai, bình đẳng và dân chủ tại phiên tòa, Tòa án mới có phán quyết khách

quan, có căn cứ và đúng pháp luật. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích những dạng thiếu sót, tồn tại phổ biến trong quá trình kiểm tra và đánh giá chứng cứ của Tòa án nhân dân các cấp trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự. Điển hình là: (1) Còn có sai lầm trong việc xác định tội danh, sai lầm trong việc dựa vào phán đoán các giả định, các tình tiết hoặc các chứng cứ không xác thực của vụ án dẫn đến xét xử không đúng quy định của pháp luật. (2) Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của một số Tòa án còn chưa toàn diện và chưa biện chứng, chưa bảo đảm nguyên tắc khách quan, một số ít thẩm phán còn có biểu hiện áp đặt suy nghĩ chủ quan, đánh giá, sử dụng chứng cứ theo linh cảm của mình dẫn đến sai lầm khi xét xử. (3) Bên cạnh việc vi phạm nguyên tắc khách quan trong kiểm tra, đánh giá chứng cứ, thì có một số Tòa án còn vi phạm nguyên tắc tổng hợp trong kiểm tra, đánh giá chứng cứ dẫn đến sai lầm khi xét xử. (4) Việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của CQĐT, VKS trong các hoạt động tố tụng chưa đầy đủ (như: khám nghiệm hiện trường, tử thi, thực nghiệm điều tra, lấy lời khai, đối chất...) lẽ ra cần tra hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Tòa án vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử, dẫn đến việc chưa chứng minh rõ được sự thật khách quan của vụ án, Hội đồng xét xử ra phán quyết không đúng quy định của pháp luật. (5) Do có sai lầm trong việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ khi xét xử nên dẫn đến sai lầm trong việc xác định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phân hóa vai trò của từng bị cáo nên quyết định hình phạt không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, về nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác v.v.

*/ Từ việc đánh giá, phân tích thực trạng, tác giả đã phân tích *các nguyên nhân* của những tồn tại, thiếu sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ. Trong đó tập trung phân tích các nguyên nhân chủ quan, khách quan; nguyên nhân về tổ chức bộ máy cũng như nguyên nhân trong quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CHỨNG CỨ TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP HIỆN NAY.

3.1. CẢI CÁCH TƯ PHÁP VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỨNG CỨ

Từ những phân tích lý luận và những bằng chứng thực tiễn về thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của CQĐT, VKS, Tòa án trong các chương trên, tác giả đã nêu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ trong bối cảnh chung của cải cách tư pháp hiện nay, đồng thời nêu rõ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp đáp ứng yêu cầu đổi mới trong các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*", Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*", Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*".

3.2. HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHỨNG CỨ

3.2.1. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu Chương V- Chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 hiện hành, tác giả đưa ra 19 *nhận xét* về các điều luật từ 63 đến điều 78 liên quan đến chế định chứng cứ.

3.2.2. Các đề xuất hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ

Từ sự phân tích ở trên, tác giả đề xuất hoàn thiện mô hình lý luận của Chương V- Chứng cứ (sửa đổi, bổ sung) trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 gồm một loạt các kiến nghị khoa học: sửa đổi 16 điều luật, bổ sung 02 điều luật có liên quan đến các điều luật từ 63 đến điều 78 về chế định chứng cứ nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp cũng như công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất và logic với các kiến nghị của Chương V- Chứng cứ đã nêu trên, tác giả cũng kiến nghị sửa đổi, bổ sung 04 điều luật gián tiếp có liên quan đến chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 như: **Điều 10**. Xác định sự thật của vụ án; **điều 54**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; **điều 167**. Bản cáo trạng; **điều 224**. Bản án.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CHỨNG CỨ TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP HIỆN NAY

Bên cạnh giải pháp hoàn thiện pháp luật, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, cũng như bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức và của công dân trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, tác giả đưa ra những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ. Cụ thể là:

- KIỆN TOÀN, ĐỔI MỚI CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ. Trên cơ sở phân tích những hạn chế trong việc tổ chức và hoạt động của CQĐT, VKS và Tòa án; chất lượng, năng lực của đội ngũ cán bộ các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như hạn chế của cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, tác giả đưa ra một số giải pháp cho việc tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan này theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/07/2010 của Bộ Chính trị. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Quan tâm về chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, cải tiến chế độ bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ của Thẩm phán, Kiểm sát viên... Ngoài ra, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hội nhập quốc tế hiện nay.

- Tăng cường sự phối hợp giữa CQĐT, VKS, Tòa án trong thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ để sử dụng trong giải quyết các vụ án hình sự, trong đó thực hiện tốt chủ trương: "*tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*"; "*Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa*".

- Tăng cường vai trò tham gia và nâng cao chất lượng của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tập trung một số nội dung về: thay đổi nhận thức về địa vị pháp lý của người bào chữa trong tố tụng hình sự; nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư cho tương xứng với vị trí, vai trò và các giá trị xã hội cao quý của hoạt động nghề nghiệp, quy định chặt chẽ hơn trong quy định về tiêu chuẩn, trong khâu tuyển chọn, tập sự hành nghề Luật sư.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ luật học "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*", tác giả đưa ra một số kết luận chung dưới đây:

1. Chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, người phạm tội và dùng để xác định những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong các xã hội có chế độ chính trị khác nhau, có những quan niệm về chứng cứ khác nhau và những quy định của pháp luật về thu thập, kiểm tra và đánh giá để sử dụng chứng cứ cũng khác nhau.

2. Nghiên cứu lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ cho thấy: khái niệm chứng cứ và nguồn chứng cứ có sự hình thành và phát triển gắn với sự phát triển của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng và luôn luôn song hành cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong các giai đoạn của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước.

3. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của một số nước Liên bang Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Malaysia, Bungari, Rumani v.v... cho thấy: pháp luật tố tụng hình sự các nước đó có điểm chung trong tương quan với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khái niệm chứng cứ, phân loại chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ v.v... từ đó làm tư liệu quý báu để các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành về chứng cứ.

4. Khái niệm chứng cứ là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học Luật tố tụng hình sự nói chung, lý luận về chứng cứ nói riêng và đã được cụ thể hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hiện hành, làm phương tiện để chứng minh tội phạm và người phạm tội, đồng thời được dùng để xác định những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

5. Thực tiễn cho thấy, kể từ khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 có hiệu lực cho đến nay, việc áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ để giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng đều bảo đảm xác định đủ và đúng các đối tượng cần chứng minh trong vụ án hình sự, việc xác định nguồn chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ và tuân thủ đúng các nguyên tắc, trình tự của BLTTHS về thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ, qua đó góp phần phát hiện tội phạm, xác định đúng người phạm tội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đem lại công lý, công bằng xã hội, cũng như minh oan cho người vô tội. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ, công tác này còn gặp nhiều tồn tại, thiếu sót trong hoạt động chứng minh của các CQĐT, VKS và Tòa án, cũng như trong việc áp dụng những quy định khác về chứng cứ của các cơ quan này. Tất cả những hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình chứng minh trong vụ án hình sự, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chưa bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và của công dân, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

6. Từ việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn và chỉ ra các nguyên nhân khách quan và chủ quan cơ bản, luận án đã chỉ ra sự cần thiết của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ là một yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân hiện nay.

7. Một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay là nâng cao hơn nữa tính *tranh tụng tại phiên tòa* theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động xét xử ở nước ta, bảo đảm việc đánh giá chứng cứ

được khách quan và toàn diện. Đây là cuộc điều tra công khai giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình tố tụng. Vì vậy, việc nâng cao tính tranh tụng tại các phiên tòa hình sự không thể tách rời với việc nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh và làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

8. Từ thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, hoạt động chứng minh các vụ án hình sự và quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ bên cạnh những mặt được đã nêu trong Chương 2, cũng có nhiều tồn tại, thiếu sót và xảy ra theo chiều dài của quá trình tố tụng và ở tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Chính vì vậy, cần phải hoàn thiện pháp luật và có những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về chứng cứ trong giải quyết vụ án hình sự nhằm khắc phục những bất cập, tồn tại và thiếu sót này.

9. Tóm lại, qua việc phân tích những tồn tại, bất cập và yếu kém của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong hoạt động chứng minh giải quyết vụ án hình sự, thì việc hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ, cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, luận án đã đề xuất các giải pháp cụ thể như sau: 1) Hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ; 2) Kiện toàn, đổi mới các cơ quan tiến hành tố tụng về tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường, đầu tư cơ sở vật chất; 3) Tăng cường sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ và; 4) Tăng cường vai trò tham gia và nâng cao chất lượng của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Vương Văn Bép (2008), "*Thực trạng công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường và khám nghiệm tử thi*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007-2011) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 255- 260.

2. Vương Văn Bép (2008), "*Quy định của luật tố tụng hình sự về quyền và nghĩa vụ của người bị hại, người làm chứng*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007- 2011) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 292- 297.

3. Vương Văn Bép (2008), "*Quy định của pháp luật về việc tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm - Thực tiễn việc tranh tụng của kiểm sát viên từ năm 2003 đến nay*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007- 2011) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 338- 345.

4. Vương Văn Bép (2009), "*Thực trạng việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết án hình sự trong 5 năm (2004- 2008)*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007- 2011) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 379- 383.

5. Vương Văn Bép (2009), "*Thực trạng công tác kháng nghị và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự trong 5 năm(2005- 2009)*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007- 2011) của

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 427- 433.

6. Vương Văn Bép (2010), "*Một số vấn đề thực tiễn về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*", Kỷ yếu các Hội thảo và tọa đàm tổ chức tại Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ dự án JICA (2007- 2011) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản- JICA, tháng 04/2011, tr 455- 461.

7. Vương Văn Bép (2009), "Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc đình chỉ điều tra ở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh và một số kiến nghị", *Kiểm sát*, 20(10), tr.35-38.

8. Vương Văn Bép (2013), " Một số ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến chế định chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003", *Tạp chí đôn chủ và pháp luật- Bộ tư pháp*, Số chuyên đề- *Cải cách tư pháp và pháp luật*, tr 66- 77.